**TUẦN 12**

**Ngày thứ 1:**

**Ngày soạn**:Ngày 23/11/2024

**Ngày giảng**: Thứ Hai ngày 25 tháng 11 năm 2024

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiếng Việt**

**Bài 51: ET, ÊT, IT (Trang 114)**

**I: YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức.**

- Nhận biết và đọc đúng các vần et, êt, it; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần et, êt, it; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần et, êt, it (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần et, êt, it.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần et, êt, it có trong bài học.

2. Kỹ năng.

- Phát triển kỹ năng nói về thời tiết (nóng, lạnh) thể hiện qua trang phục hoặc cảnh sắc thiên nhiên.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các loài lông vũ nhỏ, gần gũi với con người như vịt, vẹt, én,.., hay nhận biết về cảnh sắc của mùa xuân với những “tín hiệu” sinh học từ loài cây đặc trưng cho mùa này (cây đào) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Đôi vẹt trên cành cây đang nói chuyện" với nhau; 2. Sự thức dậy của mùa xuân qua những báo hiệu từ cây đào đâm chồi, nảy lộc, nở hoa và đàn én nhỏ từ nơi tránh rét bay về.

- Cảm nhận được tình cảm bạn bè thông qua hình ảnh các loài chim ríu rít bên nhau, rèn luyện sự tự tin khi phải trình bày (nói, hát,...) trước đám đông.

**II.CHUẨN BỊ.**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết**  - GV yêu câu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu câu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Đôi vẹt/ đậu trên cành,/ ríu rít/ mãi không hết chuyện.  - GV giới thiệu các vần mới et, êt, it. Viết tên bài lên bảng.  **2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần et, êt, it.  + GV yêu câu một số (2 3) HS so sánh vần et, êt, it để tìm ra điểm gìống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần et, êt, it.  + GV yêu câu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu câu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần  **-Đọc trơn các vần**  + GV yêu câu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu câu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu câu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần et.  + GV yêu câu HS tháo chữ e, ghép ê vào để tạo thành êt.  + GV yêu câu HS tháo chữ ê, ghép i vào để tạo thành it.  + GV yêu câu lớp đọc đồng thanh et, êt, it một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng thác. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng vẹt.  + GV yêu câu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng vẹt (vở- ét - vét – nặng- vẹt).  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng vẹt. Lớp đọc trơn đống thanh tiếng vẹt.  **- Đọc tiếng trong SGK**  + Đánh vần tiếng.  + GV đưa các tiếng có trong SGK. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  + GV yêu câu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần et, êt, it.  + GV yêu cầu 1- 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: con vẹt, bồ kết, quả mít. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn con vẹt  - GV nêu yêu câu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ con vẹt xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu câu HS nhận biết tiếng chứa vần et trong con vẹt, phân tích và đánh vần tiếng vẹt, đọc trơn con vẹt. GV thực hiện các bước tương tự đối với bồ kết, quả mít.  - GV yêu câu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu câu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đổng thanh một lần,  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần et, êt, it. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần et, êt, it.  - GV yêu câu HS viết vào bảng con: et, êt, it, vẹt, kết, mít (chữ cở vừa).  - GV yêu câu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -HS chơi  -HS trả lời  -HS lắng nghe  - HS đọc  -HS lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS so sánh  -HS lắng nghe  -HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tìm  -HS ghép  -HS ghép  -HS đọc  - HS thực hiện  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc đồng thanh  - HS tự tạo  - HS phân tích  - HS ghép lại  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS đọc  - HS đọc  - HS quan sát  - HS viết  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu câu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần et, êt, it từ ngữ bồ kết, quả mít.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần et, êt, it.  - GV yêu câu một số (45) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rối cả lớp đọc đống thanh những tiếng có vần et, êt, it trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu câu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu câu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu câu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Thời tiết được miêu tả như thế nào?  + Mấy cây đào được miêu tả như thế nào?  + Khi trời ấm, điểu gì sẽ xảy ra?  **6. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát và trả lời  Các em nhìn thấy những ai trong tranh? Những người đó mặc trang phục gì?  Trang phục của họ cho thấy thời tiết như thế nào? (Gợi ý: Tranh thể hiện thời tiết nóng và lạnh.)  - GV yêu câu HS nói về thời tiết khi nóng và lạnh. HS cần ăn mặc hay cần chú ý điều gì khi nóng và lạnh. Kết nối với nội dung bài đọc: Trời ấm, hoa đào nở, chim én bay về,... GV mở rộng: gìúp HS hiểu được con người, cũng như động vật, cây cối,... cần thay đổi để phù hợp với thời tiết.  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa vần et, êt, it và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần et, êt, it và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm và tìm tiếng có vần ét, it, êt.  - HS đọc  - HS xác định  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS nói.  -HS tìm  -HS lắng nghe |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TOÁN**

**Bài 11: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10**

**(Trang 72)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10.

- Bước đầu làm được các bài toán thực tế đơn giản liên quan đến phép trừ (giải quyết một tình huống cụ thể trong cuộc sống).

- Giao tiếp diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài tính

- HS tự tin giao tiếp và hợp tác , tích cực giải quyết vấn đề và sáng tạo,...

- HS yêu thích việc học môn Toán.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên**:

- Máy tính, máy chiếu

- Tìm các bài toán, tình huống liên quan đến phép trừ.

**2. Học sinh**: SGK, bộ đồ dùng toán, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài  - Giới thiệu bài | **-** Hát  - Lắng nghe |
| **2. Luyện tập** |  |
| **\*Bài 1: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Hd HS quan sát hình vẽ  - Yêu cầu HS từ hình vẽ tìm ra kết quả phép tính thích hợp.  - HD HS hình thành phép trừ trong phạm vi 10.  - Thực hiện, đọc phép trừ.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS nêu.  - HS quan sát.  - HS nêu phép trừ.  - HS thực hiện trên vở BT. |
| **\*Bài 2: Tính nhẩm**  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV cho HS quan sát tranh.  - HS nhẩm tính ra kết quả các phép tính ghi trên mỗi con thỏ.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS theo dõi.  - HS quan sát tranh và tính nhẩm.  - HS trình bày.  - HS nhận xét. |
| **\*Bài 3: Số ?**  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV HD bài mẫu.  - Yêu cầu HS thực hiện các bài còn lại.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS theo dõi.  - HS thực hiện.  - HS trình bày.  - HS nhận xét. |
| **\*Bài 4: Số ?**  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV HD quan sát tranh từ mỗi hình vẽ để tìm ra phép tính thích hợp.  - Yêu cầu HS thực hiện các bài còn lại.  - Y/c HS trình bày.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS quan sát tranh.  - HS thực hiện.  - HS trình bày.  - HS nhận xét. |
| **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - HS nêu. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Ngày thứ 2**:

**Ngày soạn**: 24/11/2024

**Ngày giảng**: Thứ Ba ngày 26/11/2024

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 52: UT, ƯT (Trang 116)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức.**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ut, ưt; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ut, ưt; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần ut, ưt (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần ut, ưt

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ut, ưt có trong bài học.

2. Kỹ năng.

- Phát triển kỹ năng nói về niềm vui, sở thích.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết những chi tiết trong tranh về hoạt động của con người (một trận bóng đá) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Câu thủ số 7 đang sút bóng; 2. Một trận bóng đá nhi đồng khi cầu thủ số 7 vừa ghi bàn, các khán gìả nhí đang hò reo ăn mừng chiến thắng; 3. Một trận bóng đá ở trường của các bạn học sinh lớp 1A và 1B.

- Cảm nhận được tinh thần đồng đội trong thể thao thông qua đoạn văn học và hình ảnh trong bài, ứng dụng tinh thần ấy trong các hoạt động nhóm hay hoạt động tập thể.

II.CHUẨN BỊ.

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết**  - GV yêu câu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Cầu thủ số 7/ thu hút khán giả bằng một cú sút dứt điểm.*  - GV giới thiệu các vần mới ut, ưt. Viết tên bài lên bảng.  **2. Đọc**  **a. Đọc vần**  - **Đánh vần vần ut**  + GV đánh vần mẫu các vần ut.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh  - **Đọc trơn vần ut**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh  - **Ghép chữ cái tạo vần** **ut**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ut.  + GV yêu cầu HS nêu cách ghép vần ut  - GV yêu câu lớp đọc đồng thanh ut, một số lần.  - Đánh vần vần ưt (tương tự vần ut)  **- So sánh các vần**  + GV yêu câu một số (2 3) HS so sánh các vần ut, ưt để tìm ra điểm giống và khác nhau.  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng sút.  + GV yêu câu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng sút. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng sút.  + GV yêu câu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng sút. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng sút.  - Đọc tiếng trong SGK  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SGK. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  **+ Đọc trơn tiếng.**  - GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trong các tiếng chứa một vần.  - GV yêu câu lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần ut, ưt  + GV yêu câu 1 2 HS phân tích tiếng, 1-2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu câu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bút chì, mứt dừa, nứt nẻ  - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn bút chì, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ bút chì xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu câu HS nhận biết tiếng chứa vần ut trong bút chì, phân tích và đánh vần tiếng bút, đọc trơn từ ngữ bút chì. GV thực hiện các bước tương tự đối với mứt dừa, nứt nẻ  - GV yêu câu HS đọc trơn nói tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần ut, ưt. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần ut, ưt.  - GV yêu câu HS viết vào bảng con: ut, ưt , bút, mứt (chữ cỡ vừa).  - HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi  - HS trả lời  - HS nói  - HS đọc  - HS lắng nghe và quan sát  - HS đánh vần  - HS đánh vần đồng thanh  -HS đọc  - Lớp đọc đồng thanh  - HS tìm  - HS ghép  - HS đọc  - HS so sánh  - HS lắng nghe  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  - HS đọc  - HS tự tạo  - HS phân tích  - HS ghép lại  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe,quan sát  - HS viết  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu câu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ut, ưt; từ ngữ bút chì, mứt dừa.. GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần ut, ưt.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trong các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng nói mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ut, ưt trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu câu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Trận đấu thế nào?  + Ở những phút đầu, đội nào dẫn trước?  + Ai đã san bằng tỉ số?  + Cuối cùng đội nào chiến thắng?  + Khán gìả vui mừng như thế nào?  **6. Nói theo tranh**  - GV yêu câu HS quan sát tranh trong SGK, GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tên của môn thể thao trong tranh là gì? (bóng đá)  Em biết gì về môn thể thao này?  (hai đội đá bóng, có trọng tài, đội nào đá bóng vào lưới đội kia nhiều hơn thi đội ấy thắng..)  Em từng chơi môn thể thao này bao gìờ chưa?  Em có thích xem hay chơi không? Vì sao?)  - GV yêu câu HS có thể trao đổi thêm về thể thao và lợi ích của việc chơi thể thao.  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - GV yêu câu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ut, ưt và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần ut, ưt và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp nhà. | - HS viết  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS xác định  - HS đọc  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trao đổi.  - HS tìm  - HS lắng nghe |

**-- D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**ĐẠO ĐỨC**

**BÀI 10: ĐI HỌC ĐÚNG GIỜ (trang 28)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được những biểu hiện thực hiện đi học đúng giờ;

- Biết vì sao phải thực hiện đi học đúng giờ;

- Thực hiện đi học đúng giờ;

- Nhắc nhở bạn bè thực hiện đi học đúng giờ.

**II.CHUẨN BỊ.**

**1. Giáo viên:**

**-** SGK, SGV, vở bài tập đạo đức 1, tài liệu tham khảo về trẻ tự giác thực hiện đi học đúng giờ - Tranh, ảnh, video bài hát Đi học (nhạc và lời Đình Thảo)

- Phiếu “Tuần tự giác đi học đúng giờ” (dành cho hoạt động thực hành):

**PHIẾU TUẦN TỰ GIÁC ĐI HỌC ĐÚNG GIỜ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Việc làm** | **Dành cho học sinh** | | | | | **Dành cho bố mẹ** |
| **T2** | **T3** | **T4** | **T5** | **T6** |  |
| Hình bạn nhỏ chuẩn bị đồ dùng học tập từ tối hôm trước | tải xuống | tải xuống | tải xuống | tải xuống | tải xuống |  |
| Hình bạn nhỏ thức dậy đúng giờ | tải xuống | tải xuống | tải xuống | tải xuống | tải xuống |  |
| Hình bạn nhỏ ăn sáng | tải xuống | tải xuống | tải xuống | tải xuống | tải xuống |  |
| Hình bạn nhỏ tự đăng nhập vào lớp học | tải xuống | tải xuống | tải xuống | tải xuống | tải xuống |  |

- Máy tính, bài giảng PP

**2. Học sinh:** SGK, vở bài tập đạo đức 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Khởi động**  - Cho hs nghe bài hát “Đi học”  + Hôm qua bạn nhỏ đến trường với ai?  + Hôm nay bạn nhỏ đến trường cùng ai?  + Dù đến trường cùng ba mẹ hay một mình thì chúng ta cũng cần đi học như thế nào?  Vậy đi học đúng giờ mang lợi ích gì, cần làm gì để đi học đúng giờ. Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay: Đi học đúng giờ (ghi tên bài lên bảng). | - Lắng nghe và hát theo  - HS trả lời  + Dù đến trường cùng ba mẹ hay một mình thì chúng ta cũng cần đi học đúng giờ  + Nghe và nhắc lại tên bài. |
| **II. Khám phá**  **Hoạt động 1: *Khám phá lợi ích của việc đi học đúng giờ***  Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + GV hướng dẫn đọc lời thoại  + Phân vai đọc lời thoại trong tranh  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi (chia đều câu hỏi theo số nhóm):  + Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm của bạn nào ? Vì sao?  + Theo em việc đi học đúng giờ mang lại lợi ích gì?  - GV nhận xét, bổ sung  **Kết luận*: Đi học đúng giờ giúp em được nghe giảng bài đầy đủ, hiểu bài và làm bài tốt hơn. Bố mẹ sẽ vui lòng. Thầy cô và bạn bè sẽ luôn yêu quý em.***  **Hoạt động 2**: ***Khám phá những việc cần làm để đi học đúng giờ***  - Cho hs quan sát 5 tranh SGK thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi: Bạn nhỏ trong tranh đã làm gì để đi học đúng giờ  + Em cần làm gì để đi học đúng giờ?  - Mời đại diện 1 nhóm trình bày.  -Theo dõi, hướng dẫn, khuyến khích nhóm HS nêu được càng nhiều việc càng tốt (có thể tạo thành cuộc thi đua nho nhỏ).  - Viết ý chính của các câu trả lời lên bảng.  - Tổng kết/trình chiếu hình ảnh và bổ sung những lợi ích của việc đi học đúng giờ.  -Khen những nhóm nêu được nhiều lợi ích và có cách trình bày rõ ràng, thuyết phục.  - Chỉ ra điều HS cần khắc phục để phần trình bày có thể tốt hơn. | - Quan sát tranh và trả lời câu hỏi  + Tranh vẽ hai bạn đang đi học, bên đường có tiệm game và cảnh lớp học, có cô giáo và các bạn hs.  + Nghe và đọc theo  + Hai HS đọc  + Em đồng tình với bạn Bo, không đồng tình với bạn Bi. Vì bạn Bo không ham chơi, đi học đúng giờ. Còn bạn Bi ham chơi game nên đến lớp muộn.  - Các nhóm khác đồng ý thì giơ mặt cười, không đồng ý giơ mặt méo.   * HS trả lời   - Học sinh quan sát tranh và TL |
| **III. Luyện tập**  **Hoạt động 1: *Em chọn việc nên làm để đi học đúng giờ***  - Cho Học sinh quan sát 3 tranh và nêu tình huống trong mỗi bức tranh.  - GV giao nhiệm vụ cho học sinh thảo luận nhóm đôi nêu câu hỏi:  - Trong 3 bức tranh em vừa quan sát, em thấy những việc nào nên làm và việc nào không nên làm? Vì sao?  **Hoạt động 2: *Chia sẻ cùng bạn***  - Hãy chia sẻ với bạn những việc em đã làm để đi học đúng giờ  \*GV chốt:***Để đi học đúng giờ, cần phải:***  ***+ Chuẩn bị đầy đủ quần áo , sách vở từ tối hôm trước , không thức khuya .***  ***+ Để đồng hồ báo thức hoặc nhờ bố mẹ gọi dậy cho đúng giờ .***  ***+ Tập thói quen dậy sớm, đúng giờ .*** | - Học sinh quan sát tranh.  - Phân nhóm thảo luận.  - Học sinh đại diện các nhóm lên trình bày  - Việc em nên làm là:  + Soạn sách vở đúng giờ trước khi đi học.  -Việc không nên làm:  + Không ăn sáng để đi học đúng giờ.  + Vẫn ngủ khi đã đến giờ thức dậy để đi học.  - HS chia sẻ |
| **IV. Vận dụng**  **Hoạt động 1:*****Đưa ra lời khuyên cho bạn***  - GV cho HS quan sát tranh, nêu nội dung bức tranh.  - GV chốt ý.  - Cho HS đóng vai theo tình huống trong tranh.  + Em sẽ khuyên bạn điều gì?  GV khen HS đưa ra lời khuyên hay và bổ sung lời khuyên cần thiết  **Kết luận*: Bạn nhỏ trong tranh không nên xem ti vi khi đã tới giờ đi học. Bạn nên nhanh nhẹn tới bên mẹ lên xe để mẹ đưa tới trường đúng giờ.***  **Hoạt động 2: *Em cùng các bạn đi học đúng giờ***  GV cho HS đóng vai theo các tình huống  Tình huống 1:  A: B ơi! Đi học đi!  B: Tớ đi ngay đây!  Tình huống 2:  A: Trời mưa quá, hay chúng mình nghỉ học đi!  B: Không được, tớ có áo mưa đây. Chúng mình mặc vào rồi cùng đi kẻo muộn nào?  **Kết luận*: Các con cần nhắc nhau thực hiện đúng thời gian biểu để có thể đi học đúng giờ.***  + Bạn nào ở lớp mình luôn đi học đúng giờ?  + Đi học đúng giờ để làm gì?  - **Kết luận: *Được đi học là quyền lợi của trẻ em. Đi học đúng giờ giúp em thực hiện tốt quyền được đi học của mình***  **Thông điệp:**  **V.Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - Nhận xét tiết học  - Dặn HS chuẩn bị bài sau | - HS quan sát, nêu nội dung  - HS thảo luận nhóm đôi đóng vai  - HS nhận xét  - HS trả lời: Bạn đi học rồi tối về xem ti vi, trễ học cổng trường đóng, hoặc đội cờ đỏ sẽ trừ điểm,..  HS đóng vai  HS tự liên hệ bản thân.  HS đọc câu trong sách  - HS lắng nghe |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY.**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày thứ 3:**

**Ngày soạn:** 25/11/2024

**Ngày giảng**:Thứ Tư ngày 27 tháng 11năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 53: AP, ĂP, ÂP (Trang 118)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1.Kiến thức.**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ap, ăp, âp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ap, ăp, âp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần ap, ăp, âp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ap, ăp, âp.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ap, ăp, âp có trong bài học.

2. Kỹ năng.

- Phát triển kỹ năng nói lời xin phép.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của con người.

- Cảm nhận được tình cảm, sự gần gũi gìữa các HS trong lớp học, gìữa các thành viên trong gìa đình được minh hoạ trong tranh; từ đó yêu mến hơn lớp học và gìa đình của mình.

**II.CHUẨN BỊ.**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết**  - GV yêu câu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  -GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu câu HS đoc theo, GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Nam bắt nhịp cho tất cả các bạn hát.  - GV giới thiệu các vần mới ap, ăp, âp. Viết tên bải lên bảng.  **2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần ap, ăp, âp.  + GV yêu câu một số (2 - 3) HS so sánh các vần ap, ăp, âp để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau gìữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần ap, ăp, âp  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu câu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu câu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lấn.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ap.  + GV yêu cầu HS thay chữ a, ghép ă vào để tạo thành ăp.  + GV yêu cầu HS thay chữ ă, ghép â vào để tạo thành âp.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh ap, ăp, âp một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng đạp. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng đạp.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng đạp (đờ - áp- đáp - nặng - đạp). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng đạp.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng đạp. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng đạp.  **- Đọc tiếng trong SGK**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SGK. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - **Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần ap, ăp, âp  + GV yêu cầu 1 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  c**. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: xe đạp, cặp da, cá mập.  Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn xe đạp, GV nêu yêu câu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ xe đạp xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu câu HS nhận biết tiếng chứa vần ap trong xe đạp , phân tích và đánh vần tiếng đạp, đọc trơn từ ngữ xe đạp.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với cặp da, cá mập.  - GV yêu câu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu câu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần ap, ăp, âp  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần ap, ăp, âp  - GV yêu câu HS viết vào bảng con: ap, ăp, âp và đạp, cặp, mập (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần ăp và âp vì trong ăp đã có ap.  - HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và quan sát  - HS so sánh  - HS lắng nghe  - HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS tìm  - HS ghép  - HS ghép  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  - HS đọc CN, đồng thanh  - HS tự tạo  - HS phân tích  - HS ghép lại  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe, quan sát  - HS viết  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu câu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ap, ăp, âp; từ ngữ cặp da, cá mập.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần at, ăt, ât.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần at, åt, ât trong đoạn văn một số lấn.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi thanh một lần. một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng  - GV yêu câu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Khi ngủ “ tôi” thế nào?  + Mẹ và Nam chuẩn bị những gì?  + Bạn có thể làm gì nếu có “tôi”?  + “Tôi” là ai?  **6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK và nói về những đồ vật quen thuộc như mũ bảo hiểm, mũ vải, ô, cặp sách…., GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  + Khi nào em phải dùng mũ bảo hiểm?  + Khi nào em dùng mũ vải?  + Đồ vật nào khác mà em muốn nói với các bạn?  - GV yêu câu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về những trường hợp phải xin phép.  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ap, ăp, âp và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần ap, ăp, âp và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS tìm  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Hs tìm  - HS lắng nghe |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TOÁN**

**Bài 11: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10**

**(Tiết 4 - trang 74)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10 (trường hợp số 0 trong phép trừ)

- Biết tính và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính trừ

- Bước đầu làm được các bài toán thực tế đơn giản liên quan đến phép trừ (giải quyết một tình huống cụ thể trong cuộc sống).

- Giao tiếp diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài tính

- HS tự tin giao tiếp và hợp tác , tích cực giải quyết vấn đề và sáng tạo,...

- HS yêu thích việc học môn Toán.

**II.CHUẨN BỊ.**

**1. Giáo viên**:

- Máy tính, máy chiếu

- Tìm các bài toán, tình huống liên quan đến phép trừ.

**2. Học sinh**: SGK, bộ đồ dùng toán, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài | - Hát  - HS lắng nghe. |
| **II. Hình thành kiến thức**  **1. Khám phá: Số 0 trong phép trừ**  - GV cho HS quan sát hình trong SGK, nêu bài toán rồi trả lời:  a)? Trong bình có mấy con cá ? Vớt 1 con cá còn lại mấy con cá?  Vậy ta có phép tính nào?  3 – 1 = 2  - GV viết phép tính lên bảng 3 - 1 = 2  - Yêu cầu HS đọc phép tính.  - GV hướng dẫn tương tự như câu a với các câu b) c) d)  - GV nêu phép trừ 3 – 1 = 2; 3 – 2 = 1; 3 – 3 = 0; 3 – 0 = 3  GV: Số nào trừ đi chính số đó cũng bằng 0, số nào trừ số 0 cũng bằng chính số đó. | - HS quan sát  - HS trả lời  - HS đọc phép tính  - HS đọc phép tính. |
| **2. Hoạt động** |  |
| **\*Bài 1: Tính nhẩm**  **-** GV nêu yêu cầu bài tập  - Yêu cầu HS tính nhẩm  - GV cùng HS nhận xét  - Yêu cầu HS đọc lại từng phép tính | - HS tính nhẩm.  - HS nhận xét.  **-** HS đọc. |
| **\*Bài 2: Hai phép tính nào có cùng kết quả?**  GV nêu cầu bài tập.  - Cho HS quan sát hình vẽ.  - Yêu cầu HS nhẩm ra két quả phép tính, rồi tìm phép tính có cùng kết quả.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS quan sát tranh.  - Hs thực hiện.  - HS nhận xét. |
| **\*Bài 3: Số ?**  **-** GV nêu yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS quan sát tranh.  GV nêu: Lúc đầu có 3 con vịt ở trong chuồng, sau đó con 3 con chạy ra hết.  - Yêu cầu HS nêu phép tính thích hợp: 3 – 3 = 0 - GV cùng HS nhận xét | - HS quan sát tranh.  - HS nêu phép tính.  - Nhận xét |
| **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | **-** HS nêu. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

……………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Bài 7: KÍNH YÊU THẦY CÔ (Tiết 2 )**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

HS có khả năng:

- Biết được các công việc hằng ngày của thầy, cô giáo

- Biết thể hiện lòng biết ơn và kính yêu thầy, cô giáo

- Rèn kĩ năng kể chuyện, sắm vai, lắng nghe, tự tin, hợp tác và giải quyết vấn đề, - Bước đầu hình thành, rèn phẩm chất trung thực, trách nhiệm, tôn sư trọng đạo

- Yêu thích môn học

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

- Sưu tầm câu chuyện về tấm lòng của thầy cô và lòng biết ơn của HS đối với thầy cô

- Một số mẫu thiệp chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam

**2. Học sinh:**

- Thuộc bài hát Cô và mẹ

- Dụng cụ, vật liệu làm sản phẩm trưng bày vào “Góc tri ân” của lớp và làm thiệp kính tặng thầy, cô

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Khởi động**  -GV tổ chức cho HS hát bài hát “Cô và mẹ”  +Bài hát nói về điều gì? Em cảm thấy như thế nào khi hát bài hát này? | -HS tham gia |
| **II. Khám phá – kết nối**  **Hoạt động 1: Chia sẻ những điều thầy cô đã làm cho em hằng ngày**  -GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thảo luận, chia sẻ theo gợi ý:  +Em hãy kể lại những điều thầy cô đã làm cho em hằng ngày ở lớp, trường  +Kể lại một câu chuyện em nhớ nhất về thầy, cô giáo  +Nêu cảm nhận của em về thầy, cô giáo  -Mời 1 số HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm  -Khuyến khích HS xung phong kể lại câu chuyện em nhớ nhất về thầy, cô giáo và nêu cảm nhận của em về thầy cô  -**Kết luận:** ***Hằng ngày, thầy, cô giáo dạy các em học chữ, làm toán, các kiến thức khoa học, dạy các em múa hát và nhiều điều hay, lẽ phải. Thầy cô luôn ân cần hỏi han các em khi có chuyện không vui và khuyến khích, động viên các em cố gắng học tập, rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội***  **Hoạt động 2: Thể hiện lòng biết ơn, kính yêu thầy cô**  -GV yêu cầu HS nhắc lại những điều đã khám phá được qua hoạt động 1 và nêu câu hỏi:  +Các em cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn, kính yêu thầy cô?  +Em đã làm được những gì để thể hiện lòng biết ơn, kính yêu thầy cô?  -Tổ chức thảo luận cặp đôi (hoặc nhóm 4) trả lời câu hỏi trên  -Mời đại diện nhóm trình bày  -GV nhận xét, khen ngợi HS và kết luận:  ***Thầy cô giáo luôn yêu thương, chăm lo dạy dỗ các em. Các em cần tỏ lòng biết ơn và kính yêu thầy cô bằng các việc làm cụ thể như: đi học đúng giờ, chăm chỉ học tập, tập trung nghe giảng, không nói chuyện, không làm việc riêng, tích cực tham gia các hoạt động, tích cực phát biểu ý kiến, làm thiệp, tặng hoa thầy cô,…***  -HD HS làm sản phẩm trưng bày vào “Góc tri ân” của lớp  -Nhắc HS chuẩn bị đồ dùng cần thiết để làm thiệp | -HS thực hiện theo yêu cầu  -HS chia sẻ  -HS kể lại kĩ niệm của mình  -HS lắng nghe  -HS chia sẻ theo nhóm  -HS tham gia nhận xét  -HS ghi nhớ |
| **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm**  -Nhận xét tiết học  -Dặn dò chuẩn bị tiết sau | -HS lắng nghe |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày thứ** 4:

**Ngày soạn**: 26/11/2024

**Ngày giảng**: Thứ Năm ngày 28/11/2024

**Tiếng Việt**

**Bài 54: OP, ÔP, ƠP (Trang 120)**

**I :YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1.Kiến thức.**

- Nhận biết và đọc đúng các vần op, ôp, ơp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần op, ôp, ơp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần op, ôp, ơp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần op, ôp, ơp

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần op, ôp, ơp có trong bài học.

2. Kỹ năng.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết về một số loài vật sống ở ao hồ và hiện tượng thời tiết.

- Phát triển kỹ năng nhận biết và nói về ao, hồ. Qua đó, HS cũng có thể có thêm hiểu biết về thế giới xung quanh và có những ứng xử phù hợp.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó yêu hơn thiên nhiên và cuộc sống.

**II.CHUẨN BỊ.**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Mưa rào lộp độp, ếch nhái tụ họp thi hát, cá cờ há miệng đớp mưa.  - GV giới thiệu các vần mới *op, ôp, ơp.* Viết tên bài lên bảng.  **2. Đọc**  **a. Đọc vần**  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh các vần op, ôp, ơp để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần op, ôp, ơp.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần. Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  - Ghép chữ cái tạo vần  + GV yêu cầu tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần op.  + HS thay chữ o, ghép ô vào để tạo thành ôp.  + HS thay chữ ô, ghép ơ vào để tạo thành ơp.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh op, ôp, ơp một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng họp. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng họp.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng họp (hờ – óp – hóp -nặng- họp). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng họp.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng họp. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng họp.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SGK. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + GV yêu cầu HS tự tạo các tiếng có chứa vần op, ôp, ơp.  + GV yêu câu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1- 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: con cọp, lốp xe, tia chớp.  - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn con cọp, GV nêu yêu câu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ con cọp xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần op trong con cọp, phân tích và đánh vần tiếng cọp, đọc trơn từ ngữ con cọp.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với lốp xe, tia chớp.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần op, ôp, ơp. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *op, ôp, ơp*.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: *op, ôp, ơp , cọp, lốp, chớp* (chữ cỡ vừa).  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn,  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi  - HS trả lời  - HS nói  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và quan sát  - HS lắng nghe  - HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS tìm  - HS ghép  - HS ghép  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  - HS đọc  - HS tự tạo  - HS phân tích  - HS ghép lại  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS đọc  - HS quan sát  - HS viết  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần op, ôp, ơp; từ ngữ lốp xe, tia chớp.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần op, ôp, ơp.  - GV yêu cầu một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗ HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần op, ôp, ơp trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Trong cơn mưa, họ nhà nhái làm gì?  + Mặt ao thế nào?  + Đàn cá cờ làm gì?  **6. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SGK HS quan sát tranh trong SGK.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Hai bức tranh vẽ gì?  Tranh nào vẽ ao?  Tranh nào vẽ hồ?  Em thấy ao hồ ở đâu?  Em thấy ao và hồ có gì gìống nhau và khác nhau? (Gợi ý: Ao và hồ đều có nước, ao (thường) nhỏ hơn hổ).  Có những loài vật nào sống ở ao hồ? (Gợi ý: cá, éch, nhái,..).  - GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn ao hồ và môi trường sống nói chung.  lưu ý HS không tắm ở ao hồ.....  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - HS tìm một số từ ngữ chứa các vần op, ôp, ơp và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần op, ôp, ơp và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS xác định  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát .  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS tìm  - HS làm |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

……………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**VẬN ĐỘNG CỦA ĐẦU, CỔ** ( tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nghiêm túc tích cực trong giờ học, có trách nhiệm với bản thân và với mọi người xung quanh.

- Chủ động xem trước động tác vận động của đầu, cổ trong SGK và trò chơi “Dung dăng dung dẻ”.

- Chủ động trao đổi và chia sẻ, phân công trong tập luyện.

- Phát hiện lỗi sai và cách khắc phục khi thực hiện.

- Bước đầu biết vệ sinh sân tập, đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- Biết và thực hiện được động tác quay các hướng. Biết và tham gia được vào trò chơi.

- Hoàn thành lượng vận động và bài tập thể lực.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1.Địa điểm: Tại sân trường – khu tập luyện.

2.Phương tiện:

+ Giáo viên chuẩn bị: Kế hoạch bài dạy, trang phục thể thao, còi, tranh ảnh, loa.

+ Học sinh chuẩn bị: Trang phục phù hợp.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LVĐ** | **PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC** | |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu.**  a. Nhận lớp:  a. Khởi động.  - Xoay các khớp trên nền nhạc.  - Trò chơi “Làm theo hiệu lệnh”.  - Kết nối:  Thực hiện động tác cúi đầu, ngửa đầu, nghiêng đầu sang trái, nghiêng đầu sang phải. | **5-6’** | - GV tiếp nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học.  - GV điều khiển khởi động trên nền nhạc.  - GV nêu tên TC, nhắc lại cách chơi.  - GV tổ chức cho HS chơi.  - Gv đặt câu hỏi và mời HS thực hiện:  + Tiết học trước cúng ta thực hiện động tác gì? Con có thể thực hiện lại được không? | Đội hình nhận lớp  🚹🚹🚹🚹🚹🚹 🚹🚹🚹🚹🚹🚹  GV  - Cán sự báo cáo tình hình của lớp.  - HS nhắc lại được nội dung, yêu cầu giờ học.  ĐH khởi động-TC  🚹 🚹 🚹 🚹 🚹  🚹 🚹 🚹 🚹 🚹  GV  - HS thực hiện khởi động tích cực dưới sự điều khiển của GV.  - HS nhắc lại được trò chơi.  - HS chơi dưới sự điều khiển của GV.  - Hs trả lời và thực hiện.  - Cán sự lớp hô cho cả lớp thực hiện các động tác. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức:**  \* Học động tác: - quay đầu sang trái.    quay đầu sang phải.    xoay đầu một vòng từ phải sang trái.    xoay đầu một vòng từ trái sang phải. | **5-6’**  1-2’  4-5’ | - GV tổ chức cho HS tìm hiểu từng động tác và động tác đưa ra câu hỏi gợi mở:  + GV làm mẫu.  + động tác cô thể hiện là động tác gì?  + Em hãy thử thể hiện lại động tác đó.  + GV mô tả, phân tích, hướng dẫn cách thực hiện, nhấn mạnh yêu cầu động tác.  - GV tổ chức cho Hs hình thành động tác:  + GV làm mẫu và hô cho cả lớp tập.  + GV hô cho cả lớp tập.  + GV cho cán sự hô, GV quan sát và sửa sai cho HS.  + GV cho 1 HS lên thực hiện liên hoàn các động tác.  + GV hô cho HS thực hiện. | ĐH như ĐHNL  - Hs quan sát, trả lời câu hỏi và thực hiện lại động tác mẫu.  ĐH tập luyện  🚹 🚹 🚹 🚹 🚹  🚹 🚹 🚹 🚹 🚹    🚹GV  + HS quan sát và thực hiện theo GV.  + Cả lớp tập theo nhịp hô của GV.  + Cả lớp tập và lắng nghe GV nêu sai lầm và cách sửa sai.  + HS thực hiện, cả lớp quan sát.  + HS thực hiện theo nhịp hô. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành:**  a. luyện tập động tác.  - Tập luyện cặp đôi.  - Tập luyện theo nhóm  b. Trò chơi vận động “Dung dăng dung dẻ”.  c.Bài tập thể lực.  Bài tập thể lực phát triển sức mạnh cho chân.  d. Hồi tĩnh.  Thả lỏng cơ toàn thân. | **18-20’** | - GV cho 2 HS quay mặt vào nhau tạo thành từng cặp để tập luyện.  GV quan sát sửa sai.  - GV tổ chức tách nhóm cho HS tập luyện. GV quan sát nhắc nhở, sửa sai cho HS trong quá trình HS tập luyện.  GV tổ chức thi đua trình diễn  GV quan sát nhận xét đánh giá.  - GV nêu tên trò chơi.  - GV tổ chức cho HS chơi.  - Kết thúc trò chơi GV nhận xét tuyên dương.  - GV giới thiệu cách thực hiện bài tập.  - GV tổ chức cho HS thực hiện bài tập.  - GV điều khiển thả lỏng. | Đội hình tập theo cặp đôi  🚹 🚹 🚹 🚹    🚹 🚹 🚹 🚹  1 bạn hô, 1 bạn tập theo sau đó đổi ngược lại  Đội hình tập nhóm  🚹 🚹  🚹 🚹 🚹 🚹 🚹  🚹 GV 🚹  - HS tập luyện dưới sự điều khiển của chỉ huy mỗi nhóm.  - Từng hàng lên thực hiện động tác.  HS quan sát nhận xét.  - HS nhắc lại được cách chơi.  - HS chơi thử theo hướng dẫn của.  ĐH chơi-thể lực-hồi tĩnh  - HS thực hiện chạy tại chỗ gót chạm mông, hai tay vung tự nhiên 10 -15 lần lặp lại 2 lần; sau mỗi lần cần đi lại hít thở sâu trong vòng 1 phút.  - HS cúi người thả lỏng hít thở thật sâu, rũ chân rũ tay thả lỏng tích cực. |
| **4. Hoạt động vận dụng:**  - Vận dụng:  - GV nhận xét giờ học.  - Xuống lớp. | **3’** | - GV tổ chức hệ thống bài học. HD Hs làm BT1,2 và nhắc nhở HS ôn bài, chuẩn bị bài sau.  - GV đánh giá ưu nhược điểm của giờ học. | - HS cùng GV hệ thống bài học, HS làm BT1,2 Ôn lại động tác và chuẩn bị mục 9 (tr42)  - HS lắng nghe để khắc phục cho tiết học sau. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY.**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày thứ 5:**

**Ngày soạn**: 27/11/2023

**Ngày giảng***:Thứ Sáu ngày 29/11/2024*

**Toán**

**Bài 11: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (Tiết 5 - trang 76)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10.

- Bước đầu làm được các bài toán thực tế đơn giản liên quan đến phép trừ (giải quyết một tình huống cụ thể trong cuộc sống).

- Giao tiếp diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài tính.

- HS tự tin giao tiếp và hợp tác , tích cực giải quyết vấn đề và sáng tạo,...

- HS yêu thích việc học môn Toán.

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**:

- Máy tính, máy chiếu

- Tìm các bài toán, tình huống liên quan đến phép trừ.

**2. Học sinh:** SGK, bộ đồ dùng toán, vở

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Khởi động**  - Ổn định  - Giới thiệu bài. |  |
| **II. Luyện tập** |  |
| **\*Bài 1:**  **a) Tính nhẩm**  **-** GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV có thể hướng dẫn HS làm theo từng cột và tìm kết quả phép tính.  - Yêu cầu Hs nêu lần lượt các phép tính trừ.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS theo dõi.  - Hs nêu.  - Hs nhận xét. |
| **b) Số ?**  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV HD bài mẫu.  - Yêu cầu HS thực hiện các bài còn lại.  - Y/c HS trình bày.  GV cùng HS nhận xét. | - HS theo dõi.  - HS thực hiện.  - HS trình bày.  - HS nhận xét. |
| **\*Bài 2:**  **-** GV nêu yêu cầu bài tập.  - Cho HS quan sát tranh.  - GV hướng dẫn HS tính nhẩm tìm ra kết quả phép tính ghi ở mỗi bông hoa. Sau đó so sánh kết quả mỗi phép tính với 3.  - Gv cùng Hs nhận xét. | - HS quan sát.  - Hs thực hiện.  - HS nhận xét. |
| **\*Bài 3:**  **a)**  **-** GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV: Trên bờ có bao nhiêu con mèo? Mấy con câu được cá?  - GV cùng Hs nhận xét. | - HS nhắc lại  - HS trả lời.  - HS thực hiện.  - HS nhận xét. |
| **b) Số ?**  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV HD HS tính nhẩm 7 – 2 = ?  GV ghi: 7 – 2 = 5  - Yêu cầu HS thực hiện bài còn lại.  GV cùng HS nhận xét. | - HS theo dõi.  - HS thực hiện.  - HS trình bày.  - HS nhận xét. |
| **\*Bài 4: Số ?**  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV HD quan sát tranh.  - GV nêu: Lúc đầu có 8 con vịt ở trên bờ, sau đó con 5 con chạy xuống ao. Hỏi trên bờ còn lại mấy con?  - Yêu cầu HS nêu phép tính thích hợp:  8 – 5 = 3  GV cùng HS nhận xét. | - HS quan sát tranh.  - HS trả lời.  - HS nêu phép tính.  - HS nhận xét. |
| **III. Vận dụng ,trải nghiệm.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Dặn HS về nhà ôn lại bài. | **- HS trả lời**  **- HS lắng nghe** |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**------------------------------------------------------------------**

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 55: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (Trang 122)**

**I : YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức.**

- Nắm vững cách đọc các vần et, êt, it, ut, ưt, ap, ăp, âp, op, ơp, ôp; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần et, êt, it, ut, ưt, ap, ăp, âp, op, ơp, ôp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

2. Kỹ năng.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Mật ong của gấu con, trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện. Câu chuyện cũng giúp HS rèn kĩ năng sống và ứng xử trong tập thể biết quan tâm chia sẻ với người khác.

- Thêm yêu thích môn học

**II.CHUẨN BỊ.**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**III.** **CÁC** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC .**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  GV có thể tổ chức cho HS chơi một số trò chơi phù hợp  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  - Đọc vần: HS (cá nhân, nhóm) đánh vần các vần . Lớp đọc trơn đồng thanh.  - Đọc từ ngữ: HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. Lớp đọc trơn đồng thanh. GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà.  **2. Đọc đoạn**  -GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc đồng thanh.  - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  Mưa được miêu tả như thế nào?  Tiếng sấm sét như thế nào?  Khi mưa dứt, mặt trời thế nào?  Sau con mưa, vạn vật như thế nào?  **3. Viết câu**  - GV hướng dẫn viết vào vở Tập viết 1, tập một câu “Mưa lộp độp rồi dứt hẳn” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ). Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gìan cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe  - Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS viết  - HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Kể chuyện**  a. Văn bản  MẬT ONG CỦA GẤU CON  Gấu con, heo con, thỏ con và cún con rủ nhau vào rừng chơi. Từ sáng sớm, mẹ đã chuẩn bị cho gấu con một lọ mật ong. Mẹ nói: "Con nhớ chia cho các bạn cùng ăn nhé!”.  Gấu con ôm lọ mật ong đi. Cậu thẩm nghĩ: “Mật ong ngon thế này mà phải chia cho các bạn thì tiếc lắm”. Thế là gấu con bèn giấu lọ mật ong đi. Lát sau, heo con, thỏ con và cún con đến đông đủ, Thấy gấu con không mang theo đồ ăn, các bạn liên an ủi: "Không sao đâu, bọn tớ sẽ chia thức ăn cho cậu”. Nghĩ đến việc mình đã giấu lọ mật đi, gấu con thẹn đỏ mặt. Mấy bạn cùng đi vào rừng. Dọc đường đi, do sơ ý, đồ ăn bị rơi hết cả. Trưa đến, bạn nào cũng đói meo. Thế là cả bọn cùng đi kiếm thức ăn. Thỏ con nhổ cà rốt. Heo con hái quả dâu rừng. Cún con tìm được rất nhiều nấm. "Đúng rồi!", gấu con chợt nhớ ra, “Minh còn có lọ mật ong!”. Gấu con liền chạy về chỗ giấu lọ mật ong lúc sáng và mang mật ong đến chia cho các bạn. Gấu con thẩm nghĩ: “Từ giờ mình sẽ không là gấu con ích kỷ nữa”.  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi.  Đoạn 1: Từ đầu đến chia cho các bạn cùng ăn nhé. GV hỏi HS:  1. Gấu mẹ đã chuẩn bị gì cho gấu con khi đi chơi?  2. Gấu mẹ dặn gấu con điều gì?  Đoạn 2: Từ Gấu con ôm lo mật ong đến giấu lọ mật ong đ1. Giáo viên hỏi HS:  3. Vì sao gấu con giấu lọ mật ong đi?  Đoạn 3: Từ Lát sau đến thẹn đỏ mặt. GV hỏi HS:  4. Khi thấy gấu con không mang theo đồ ăn, các bạn nói gì?  5. Vì sao gấu con then đỏ mặt?  Đoạn 4: Từ Mấy bạn đến rất nhiều nấm. GV hỏi HS:  6. Vì sao thức ăn bị rơi mất?  7. Đồ ăn bị rơi mất, các bạn đã làm gì?  Đoạn 5: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  8. Nhớ ra lọ mật ong, gấu con đã làm gì?  9. Chia mật ong cho các bạn, gấu con nghĩ gi?  - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể  **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện. GV cần tạo điểu kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kể chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gìan để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả,  **III. Vận dụng, trải nghiệm.**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà; kể cho người thân trong gìa đình hoặc bạn bè câu chuyện | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  -HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS kể  - HS kể  - HS lắng nghe |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tổ trưởng ký duyệt**

**Ngày tháng 11 năm 2024**